UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Phụ lục 06

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ KHOẢN CHI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 4426/QĐ-SGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
			Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42	Hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp học sinh dân tộc thiểu số của các trường PTDTNT	Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Hỗ trợ trường mới thành lập	Dự toán kinh phí chi tập trung
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG	**111.694.000**	**2.160.000**	**7.902.000**	**4.751.000**	**1.368.000**	**197.000**	**551.000**	**10.890.000**	**2.425.000**	**81.450.000**
I	**Chi hành chính nhà nước**	**196.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**196.000**
1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	196.000									196.000
II	**Chi sự nghiệp**	**81.019.000**	**2.160.000**	**7.902.000**	**4.751.000**	**1.368.000**	**197.000**	**551.000**	**10.890.000**	**2.425.000**	**50.775.000**
II.1	**Chi sự nghiệp giáo dục**	**80.808.000**	**2.160.000**	**7.902.000**	**4.751.000**	**1.368.000**	**197.000**	**551.000**	**10.890.000**	**2.425.000**	**50.564.000**
1	**Chi thường xuyên bộ máy các đơn vị sự nghiệp**	**30.244.000**	**2.160.000**	**7.902.000**	**4.751.000**	**1.368.000**	**197.000**	**551.000**	**10.890.000**	**2.425.000**	**-**
	Chương 422 khoản 070 loại 072	**376.840**	**-**	**-**		**376.840**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Trường CB Hy Vọng Quy Nhơn	376.840				376.840					
	Chương 422 khoản 070 loại 073	**730.550**	**-**	**179.550**		**-**	**-**	**551.000**	**-**	**-**	**-**
1	Tr.PTDTNT THCS&THPT An Lão	241.320		58.320				183.000			
2	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	246.910		62.910				184.000			
3	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	242.320		58.320				184.000			
	Chương 422 khoản 070 loại 074	**29.136.610**	**2.160.000**	**7.722.450**	**4.751.000**	**991.160**	**197.000**	**-**	**10.890.000**	**2.425.000**	**-**
1	Trường Quốc học- Quy Nhơn	232.156		34.156					198.000		
2	Trường THPT Trưng Vương	253.080		55.080					198.000		

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
			Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42	Hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp học sinh dân tộc thiểu số của các trường PTDTNT	Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Hỗ trợ trường mới thành lập	Dự toán kinh phí chi tập trung
3	Tr. THPT Chuyên Lê Quý Đôn	208.665		10.665					198.000		
4	Trường THPT Hùng Vương	217.755		19.755					198.000		
5	Trường THPT Bùi Thị Xuân	3.063.775		44.775					594.000	2.425.000	
6	Trường THPT số 1 Tuy Phước	406.505		172.485	8.100	27.920			198.000		
7	Trường THPT số 2 Tuy Phước	290.295		92.295					198.000		
8	Trường THPT Nguyễn Diêu	308.935		96.975		13.960			198.000		
9	Trường THPT số 3 Tuy Phước	303.310		91.350		13.960			198.000		
10	Trường THPT Quang Trung	431.969		187.609	32.400	13.960			198.000		
11	Trường THPT Võ Lai	233.775		35.775					198.000		
12	Trường THPT Tây Sơn	333.077		121.117		13.960			198.000		
13	Trường THPT số 1 An Nhơn	269.100		71.100					198.000		
14	Trường THPT số 2 An Nhơn	297.000		99.000					198.000		
15	Trường THPT số 3 An Nhơn	365.410		153.450		13.960			198.000		
16	Trường THPT Hòa Bình	331.850		105.930		27.920			198.000		
17	Trường THPT số 1 Phù Cát	322.220		96.300		27.920			198.000		
18	Trường THPT số 2 Phù Cát	270.157		72.157					198.000		
19	Trường THPT số 3 Phù Cát	346.542		120.622		27.920			198.000		
20	Tr. THPT Nguyễn Hồng Đạo	263.385		65.385					198.000		
21	Tr. THPT Ngô Lê Tân	422.780		154.980		69.800			198.000		
22	Trường THPT số 1 Phù Mỹ	353.750		85.950		69.800			198.000		
23	Trường THPT số 2 Phù Mỹ	359.072		105.232		55.840			198.000		

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
			Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42	Hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp học sinh dân tộc thiểu số của các trường PTDTNT	Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Hỗ trợ trường mới thành lập	Dự toán kinh phí chi tập trung
24	Trường THPT An Lương	240.210		42.210					198.000		
25	Trường THPT Mỹ Thọ	384.360		102.600		83.760			198.000		
26	Trường THPT Tăng Bạt Hổ	389.730		149.850		41.880			198.000		
27	Trường THPT Nguyễn Trân	325.810		113.850		13.960			198.000		
28	Trường THPT Nguyễn Du	464.575		210.735		55.840			198.000		
29	Trường THPT Lý Tự Trọng	322.390		110.430		13.960			198.000		
30	Trường THPT Võ Giữ	333.640		121.680		13.960			198.000		
31	Trường THPT Hoài Ân	332.120		106.200		27.920			198.000		
32	Tr. THPT Trần Quang Diệu	902.632		170.892	477.900	55.840			198.000		
33	Trường THPT An Lão	1.025.875	540.000	148.275		139.600			198.000		
34	Tr.PTDTNT THCS&THPT An Lão	2.045.432		720.198	1.083.428		43.806		198.000		
35	Trường THPT Vĩnh Thạnh	838.017		424.417	145.800	69.800			198.000		
36	Trường THPT Vân Canh	225.157		27.157					198.000		
37	Trường PTDTNT-THPT Bình Định	431.927		168.345			65.582		198.000		
38	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	2.560.687	540.000	879.781	899.100		43.806		198.000		
39	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	2.654.368		437.890	1.974.672		43.806		198.000		
40	Trường THPT Trần Cao Vân	218.970		20.970					198.000		
41	Trường Nguyễn Thái Học	247.365		49.365					198.000		
42	Trường THPT Xuân Diệu	393.570		195.570					198.000		
43	Trường THPT Nguyễn Huệ	578.162		222.642	129.600	27.920			198.000		
44	Tr. THPT Nguyễn Đình Chiểu	371.340		173.340					198.000		

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
			Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42	Hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp học sinh dân tộc thiểu số của các trường PTDTNT	Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Hỗ trợ trường mới thành lập	Dự toán kinh phí chi tập trung
45	Trường THPT Nguyễn Tường Tộ	304.470		106.470					198.000		
46	Trường THPT Ngô Mây	340.560		142.560					198.000		
47	Tr. THPT Nguyễn Hữu Quang	317.340		119.340					198.000		
48	Tr. THPT Nguyễn Trung Trực	298.440		100.440					198.000		
49	Trường THPT Bình Dương	300.195		102.195					198.000		
50	Tr. THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	918.490	540.000	124.650		55.840			198.000		
51	Trường THPT Phan Bội Châu	882.900	540.000	144.900					198.000		
52	Trường THPT Tam Quan	330.255		132.255					198.000		
53	Trường THPT chuyên Chu Văn An	261.460		49.500		13.960			198.000		
54	Sở Giáo dục và Đào tạo	11.600		11.600							
2	**Chi nghiệp vụ**	**10.636.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10.636.000**
1	Chính sách học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư số 109/TTLT	-									
2	Chính sách hỗ trợ thêm tiền ăn học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND	-									
3	Hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số theo Quyết định 84/QĐ-UBND	-									
4	Hỗ trợ trường chuyên biệt Hy Vọng Quy Nhơn	-									
5	Hỗ trợ kinh phí cho trường chuyên theo Quyết định số 79/QĐ-UBND	-									

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
			Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42	Hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp học sinh dân tộc thiểu số của các trường PTDTNT	Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Hỗ trợ trường mới thành lập	Dự toán kinh phí chi tập trung
6	Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho thanh thiếu niên, phòng chống tham nhũng	-									
7	Kinh phí chọn sách giáo khoa lớp 5, 9 và 12 năm học 2024-2025	845.000									845.000
8	Kinh phí thẩm định tài liệu giáo dục địa phương lớp 5, 9 và 12 năm học 2024-2025	107.000									107.000
9	Chi tập trung chuyên môn toàn Ngành	5.053.000									5.053.000
10	Chi hoạt động thể dục, thể thao học sinh toàn ngành	2.527.000									2.527.000
11	Hỗ trợ kinh phí các kỳ thi	-									
12	Hỗ trợ kinh phí công tác thanh tra	270.000									270.000
13	Chi đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục (Theo Thông tư 56/2021/BTC)	1.092.000									1.092.000
14	Hỗ trợ kinh phí Đảng bộ cơ sở	-									
15	Kinh phí xét thăng hạng giáo viên và thi tuyển dụng viên chức	715.000									715.000

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
			Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42	Hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp học sinh dân tộc thiểu số của các trường PTDTNT	Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Hỗ trợ trường mới thành lập	Dự toán kinh phí chi tập trung
16	Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg	27.000									27.000
17	Hỗ trợ kinh phí ôn thi tốt nghiệp cho các trường PTDTNT	-									
18	Hỗ trợ kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	-									
19	Hỗ trợ kinh phí học sinh theo Nghị định số 116/NĐ-CP	-									
20	Hỗ trợ kinh phí học sinh khuyết tật theo Thông tư Liên tịch số 42	-									
3	**Mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất**	**39.928.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**39.928.000**
1	Trả nợ khối lượng xây dựng đã hoàn thành các công trình sửa chữa, bảo dưỡng	495.000									495.000
2	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất các trường học	30.690.000									30.690.000
3	Hỗ trợ kinh phí trường mới thành lập	-									

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Đơn vị	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù (kinh phí không khoán chi) năm 2024	Dự toán các khoản chi có tính chất đặc thù								
			Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42	Hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp học sinh dân tộc thiểu số của các trường PTDTNT	Mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông mới	Hỗ trợ trường mới thành lập	Dự toán kinh phí chi tập trung
4	Mua sắm thiết bị dạy học lớp 9 theo chương trình giáo dục phổ thông mới cho cấp THCS của các trường PTDTNT	-									
5	Mua sắm thiết bị tối thiểu, sách giáo khoa, sách tham khảo của thư viện lớp 12 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	-									
6	Mua sắm bàn ghế theo chuẩn	8.743.000									8.743.000
7	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải tạo CSVC của 04 trường PTDTNT (tỉnh, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh)	-									
8	Tăng cường CSVC và thiết bị dạy học cho các trường THPT đăng ký xây dựng trường chuẩn QG (04 trường)	-									
9	Mua sắm máy vi tính dạy học cho trường mới thành lập	-									
II.2	**Chi sự nghiệp môi trường**	**183.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**183.000**
	Văn phòng Sở GD và ĐT	183.000									183.000
II.3	**Chi đào tạo, bồi dưỡng**	**28.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**28.000**
	Văn phòng Sở GD và ĐT	28.000									28.000